

Chương I

QUÊ HƯƠNG, GIA ĐÌNH, THỜI NIÊN THIẾU VÀ NHỮNG HOẠT ĐỘNG YÊU NƯỚC ĐẦU TIÊN

I. QUÊ HƯƠNG, GIA ĐÌNH

1. Quê hương

1.1. Trà Vinh - vùng đất anh dũng

Trà Vinh là một tỉnh đồng bằng ven biển, nằm trên vùng đất hạ lưu sông Cửu Long. “Trước đây, vùng đất Trà Vinh còn được gọi là “xứ Trà Vàng”. “Trà Vàng là chữ đọc trại của từ Khmer “Préah Trapéang”, nghĩa là Ao Phật, nằm ở làng Đôn Hóa, trong tổng Trà Phú, cách tỉnh lỵ 6km. Cạnh ao này có một ngôi chùa được dựng lên để kỷ niệm một lễ lớn có từ ngày xưa”¹. Cũng như nhiều tỉnh khác ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long, nơi đây có đặc điểm sinh thái đa dạng và tài nguyên thiên nhiên phong phú, được xem là một vùng đất có tiềm năng để phát triển nông nghiệp toàn diện. Từ đó tạo cơ sở quan trọng để phát triển công nghiệp nhẹ, công nghiệp du lịch...

Vùng đất Trà Vinh thu hút nhiều cộng đồng dân cư dừng chân sinh sống, từ thế kỷ XVII, nơi đây đã có sự xuất hiện của một cộng đồng dân cư đa tộc, tuy dân số chưa nhiều. Khoảng thời gian đó, người Việt ở miền Trung, miền Bắc đã vào phương Nam khai phá đất hoang, sinh cơ lập nghiệp. Cùng với người Khmer và những cư dân đã có mặt ở vùng đất Nam Bộ trước đó, họ nhanh chóng trở thành bộ phận cư dân chủ đạo trong công cuộc chinh phục vùng đất này². Khoảng nửa sau thế kỷ XVII, những biến động lớn của chế độ phong kiến phương Bắc cũng khiến cộng đồng dân tộc Hoa nhập cư vào vùng đất phương Nam

¹ Dẫn theo: Tỉnh ủy Trà Vinh, Ban Chỉ đạo công tác thông tin đối ngoại (2022), *Di tích lịch sử, văn hóa Trà Vinh - Giá trị, tiềm năng và phát triển bền vững*” tr.48.

² Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam (2006), *Lược sử vùng đất Nam Bộ Việt Nam*, Nxb. Thế Giới, Hà Nội, tr.67.

nói chung, mảnh đất Trà Vinh nói riêng. Họ bỏ sung từng lúc, từng đợt vào dân cư nơi đây, với nhiều nguyên nhân khác nhau như đi kiếm sống, mở rộng làm ăn, mua bán và nhiều lý do xã hội khác.

Sự đoàn kết vững mạnh của các cộng đồng dân cư các dân tộc thể hiện ở việc sống cùng nhau trong một đơn vị hành chính, tạo nên sự giao thoa về văn hóa. Việc sống gần gũi, tiếp xúc trong thời gian dài khiến họ cũng có nhu cầu giao lưu về mọi mặt, đặc biệt là về các giá trị văn hóa. Bên cạnh việc giữ gìn, phát huy bản sắc riêng, họ đồng thời cũng tôn trọng phong tục tập quán, tôn giáo của nhau. Vừa giữ gìn nhưng đồng thời cũng chấp nhận giao lưu, tiếp nhận những giá trị để làm giàu thêm bản sắc văn hóa vốn có của mình. “Từ công cụ sản xuất, nhà ở đến cách ăn mặc, nếp sống, lễ nghi... đều có thể tìm thấy sự đan xen giữa các truyền thống văn hóa”³. Điều này tạo nên những đặc trưng của miền đất Trà Vinh và cả vùng Nam Bộ.

Sự đoàn kết vững mạnh của các cộng đồng dân tộc tại Trà Vinh còn đặc biệt thể hiện ở việc luôn đùm bọc sát cánh san sẻ cùng nhau mọi thuận lợi và khó khăn. Họ không kì thị phân biệt người đến trước đến sau. Truyền thống này được hình thành và phát triển suốt chiều dài lịch sử, trải qua bao giai đoạn từ quá trình khai phá đến quá trình đấu tranh chống áp bức của phong kiến và thực dân. Từ những ngày đầu dùng chân lập nghiệp, khai khẩn đất đai, cộng đồng người Việt - Khmer - Hoa và một số tộc người xem nơi đây như quê hương của mình. Họ hợp lực tạo nên sức mạnh đoàn kết để chống lại thú dữ, chinh phục vùng đất rừng thiêng nước độc. Truyền thống đoàn kết ấy còn được thể hiện trong quá trình đấu tranh tự vệ, chống kẻ thù để xây dựng và phát triển ở giai đoạn sau này. Trong kháng chiến chống Pháp, Nhân dân Trà Vinh không phân biệt dân tộc, tôn giáo, địa phương đã đoàn kết một lòng đứng lên. Người Việt, người Khmer, người Hoa hay

³ Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam (2006), *Lược sử vùng đất Nam Bộ Việt Nam*, Nxb. Thế Giới, Hà Nội, tr. 70.

các tộc người khác đều ý thức được vận mệnh của cộng đồng dân tộc mình gắn liền với vận mệnh chung của toàn quốc gia dân tộc. Vì thế, họ đã vượt qua được sự kích động chia rẽ của thực dân Pháp để quyết tâm đoàn kết dân tộc, vì mục tiêu chung là chống bọn xâm lược. Đến kháng chiến chống đế quốc Mỹ, truyền thống đoàn kết một lần nữa được phát huy cao độ. Đồng bào các dân tộc đã cống hiến to lớn về sức người, sức của, cả xương máu cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc.

Như vậy, Trà Vinh là một vùng đất được hình thành và phát triển bởi sức mạnh đoàn kết của cộng đồng dân cư nhiều dân tộc trong suốt chiều dài lịch sử.

Nhân dân Trà Vinh bao đời đoàn kết, cương trực, giàu tình nghĩa, sống bình yên nơi mảnh đất quê hương. Nhưng trước áp bức bất công, họ cũng mạnh mẽ vùng lên chống lại. Tinh thần anh dũng đó đã trở thành một nét đẹp trong truyền thống của những con người nơi mảnh đất anh hùng này.

Trước hết, đó là truyền thống anh dũng đấu tranh chống sự áp bức của giai cấp thống trị. Thời gian đầu, những cộng đồng các dân tộc (Kinh, Khmer, Hoa...) ở Trà Vinh vừa phải khắc phục những trở ngại của thiên nhiên, vừa phải kháng cự với sự ức hiếp của giai cấp thống trị. Từ những năm cuối thế kỷ XIX khi có sự xâm lược của thực dân, người dân nơi đây phải đứng lên chống lại sự áp bức của địa chủ phong kiến và thực dân xâm lược. Trong hoàn cảnh ấy, truyền thống anh dũng, đấu tranh chống áp bức, bất công, chống xâm lược của Nhân dân Trà Vinh càng thêm tỏa sáng.

Ngay từ những ngày đầu khi đội quân xâm lược của thực dân Pháp đặt chân lên vùng đất Nam Bộ nói chung, mảnh đất Trà Vinh nói riêng, chúng đã vấp phải sự kháng cự mạnh mẽ của những con người tồn tại trong cộng đồng bao đời trên vùng đất này.

Từ khoảng năm 1867 đến cuối thế kỷ XIX, tinh thần anh dũng

kiên cường của Nhân dân Trà Vinh được thể hiện với nhiều hình thức khác nhau. Trước hết, đó là sự hợp lực chống giặc với nhân dân các địa phương lân cận. Trong cuộc hành quân của Tổng đốc Long Tường - Trương Văn Uyên, Trà Vinh đóng góp sức người, sức của phối hợp với quân nhà Nguyễn và Nhân dân Gia Định đánh đuổi bọn xâm lược và đóng góp tiền của, lương thực giúp quân triều đình đánh Pháp. Lúc ấy, triều đình Huế đã ban thưởng cho nhiều làng ở Trà Vinh tấm biển khắc 4 chữ vàng “Hiếu nghĩa khả phong”. Những toán dân ấp dân lân cũng tích cực hỗ trợ các phong trào chống Pháp của Trương Định, Thủ Khoa Huân. Vang dội hơn là những đóng góp cho khởi nghĩa Vĩnh Trị, Bình Khánh do Đốc binh Lê Cần, Phó Mai cùng Nguyễn Giao gây dựng và khởi xướng.

Càng về sau, tinh thần anh dũng chống áp bức của Nhân dân Trà Vinh diễn ra mạnh mẽ, Nhân dân nơi đây ngày càng thể hiện lòng yêu nước, chống ngoại xâm bằng những phong trào khởi nghĩa của riêng mình. Đó là cuộc khởi nghĩa tại Long Điền, sau đó lan ra Bình Trị, Vĩnh Lợi, Trà Nhiêu, Bình Khánh (tương ứng với vùng đất Cầu Ngang, Châu Thành, Càng Long ngày nay) hoặc cuộc khởi nghĩa Ba Động của Tán Lít Lê Văn Quân, Đề đốc Triều và Đốc binh Say; khởi nghĩa ở Bàng Đa do Trần Văn Đề lãnh đạo. Cùng lúc đó, sự kiên cường chống giặc của người dân nơi đây còn ghi dấu với những hoạt động nhỏ lẻ khác của Nhân dân có sự liên hệ với phong trào chống Pháp của các vùng lân cận.

Nói chung, nửa sau thế kỷ XIX, hào khí Trà Vinh được thể hiện rõ nét bằng những phong trào vũ trang khởi nghĩa chống tay sai và bọn xâm lược. Dù các phong trào ấy chưa thắng lợi nhưng cũng ghi dấu ấn mạnh về tinh thần kiên cường, bất khuất, ý chí chống áp bức của Nhân dân.

Những năm đầu của thế kỷ XX, tinh thần yêu nước chống ngoại xâm của Nhân dân Trà Vinh tiếp tục dâng cao. Điển hình là cuộc ám sát hai tên Tỉnh trưởng người Pháp vào năm 1905, những vụ manh

động vũ trang đánh lại địa chủ cường hào, là phong trào Thiên Địa Hội hoặc sau này là sự hoạt động của tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, Thanh niên đỏ... Tất cả minh chứng cho hình ảnh những con người kiên cường, bất khuất nối tiếp truyền thống của cha ông trong công cuộc đấu tranh giai cấp và đánh đuổi xâm lăng.

1.2. Càng Long - một trong những chiếc nôi cách mạng của tỉnh Trà Vinh

Càng Long là một huyện của tỉnh Trà Vinh, nơi có liên tỉnh lộ 7 (nay là Quốc lộ 53) chạy ngang, nằm ở phía Bắc - Tây bắc của tỉnh, ở tả ngạn sông Cổ Chiên - một nhánh đổ ra biển của sông Cửu Long. Đây là vùng đất nằm giữa hai thị xã Vĩnh Long⁴ (ở Tây bắc) và thị xã Trà Vinh⁵ (ở Đông nam), là trục lộ giao thông bộ thuận tiện.

Với những điều kiện thuận lợi vốn có của mình, Càng Long là nơi thuận lợi cho những nhà hoạt động cách mạng lui tới hoạt động, xây dựng, hình thành tổ chức, phát triển phong trào. Cũng như đại bộ phận cư dân vùng châu thổ Đồng bằng sông Cửu Long, người dân Càng Long cũng là lớp người đi khai hoang, mở mang bờ cõi. Quá trình đó đòi hỏi con người phải cần cù, chăm chỉ để mở làng, lập ấp. Cần cù, đoàn kết trong lao động để chế ngự được thiên nhiên, tạo dựng cuộc sống mới.

Họ chí thú làm ăn nhưng cũng cương trực, sẵn sàng chống áp bức, bất công để xây dựng nên một vùng đất tươi đẹp như hôm nay. Đó là những cuộc nổi dậy chống lại sự áp bức của bọn địa chủ phong kiến. Khi có giặc ngoại xâm, họ đoàn kết gắn bó, kiên quyết chống kẻ thù chung, chống áp bức, thống trị. Điển hình là sau khi thực dân Pháp xâm lược, năm 1872, người dân nơi đây đã đoàn kết, phát huy lòng yêu nước, sự dũng cảm, sáng tạo đánh diệt Salicetty, Chánh Tham biện Vĩnh Long tại Cầu Vông.

⁴ Nay là thành phố Vĩnh Long.

⁵ Nay là thành phố Trà Vinh.

Bên cạnh những phẩm chất đáng quý vốn có, Nhân dân Càng Long cũng tỏa sáng với truyền thống cách mạng. Ngay từ những ngày đầu thực dân Pháp in gót giày xâm lược lên mảnh đất này, Nhân dân nơi đây một lòng dũng cảm đứng lên chiến đấu bảo vệ quê hương, làng xóm.

Phong trào tuyên truyền, giáo dục ý thức cách mạng ở Càng Long đã hình thành từ khá sớm nhưng đặc biệt gây tiếng vang lớn từ khi Chi bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên được thành lập đầu tiên tại An Trường. Chi bộ đã ra sức tuyên truyền, giáo dục, vận động các tầng lớp nhân dân, chủ yếu là nông dân lao động ở An Trường, Tân An, Mỹ Cẩm, Bình Phú ra cả quận Càng Long để họ thấm thía về cuộc sống cực nhục của người dân dưới sự áp bức, bóc lột thậm tệ của bọn địa chủ, hướng dẫn họ con đường đấu tranh tự giải phóng. Ngoài ra, Chi bộ còn tuyên truyền chống sưu cao, thuế nặng do thực dân đặt ra. Chi bộ ngày càng lớn mạnh, việc tuyên truyền ngày càng rộng khắp. Nông dân nghe theo, tham gia Hội thanh niên, bảo vệ và giữ bí mật cho thanh niên cách mạng, che mắt cường hào, mật thám, bịt tai tài công, tay chân và tai mắt của địa chủ phản động. Đến đây, với thành phần nhân dân tuyệt đại đa số là nông dân tá điền, con cháu những nghĩa quân chống Pháp, những người không chịu khuất phục, đã ý thức rõ và thấm thía về tai họa áp bức, cưỡng đoạt, bóc lột của thực dân Pháp cùng bọn địa chủ cường hào, lại có một bộ phận thanh niên tiên tiến có tổ chức của mình tiếp thu được ánh sáng giải phóng. Từ đó làm cơ sở cho Càng Long trở thành mảnh đất tốt, dần dần hình thành là một trong những chiếc nôi cách mạng của tỉnh Trà Vinh.

Những năm cuối thế kỷ XIX, hoạt động chống Pháp của Nhân dân Càng Long ghi dấu bằng việc đồng bào tổ chức những toán dân dũng cảm kết hợp cùng các sĩ phu thành các đội nghĩa quân đánh giặc, giữ làng, theo phong trào kháng Pháp của Trương Công Định, Thủ Khoa Huân, Thiên Hộ Dương, hòa nhịp với các cuộc khởi nghĩa ở Bắc Kỳ, Trung Kỳ chống thực dân Pháp.

Mai Đăng Độ (con Mai Đăng An) vốn là Cai tổng Bình Khánh cùng em trai trao đổi với Đốc binh Lê Công Cẩn huy động dân hai tổng Bình Khánh Thượng, Bình Khánh Hạ tham gia nghĩa quân đánh địch tiến chiếm Bình Khánh. Khẩu hiệu được đưa ra là: “Phải đánh quân Tây. Để nó chiếm ta mất hết ruộng đất”. Hầu hết nông dân trai tráng An Trường, Tân An, Huyện Hội, Mỹ Cẩm, Bình Phú, Phương Thạnh tham gia nghĩa quân.

Đầu thế kỷ XX đến trước khi Đảng Cộng sản ra đời, dưới tác động của tình hình thế giới, sự đàn áp, bóc lột của thực dân Pháp ở Việt Nam đã tác động mạnh mẽ đến phong trào đấu tranh của Nhân dân tỉnh Trà Vinh và huyện Càng Long. Các phong trào yêu nước, cải cách của các nhà chí sĩ cách mạng thời gian này như cụ Phan Chu Trinh, Phan Bội Châu, Tăng Bạt Hổ... được Nhân dân Càng Long hưởng ứng mạnh mẽ. Tuy nhiên, do còn nhiều hạn chế, các phong trào sớm bị đàn áp. Năm 1911, cộng đồng dân cư Kinh - Khmer - Hoa ở Càng Long, với nhiều thành phần đa dạng đã nhanh chóng tham gia phong trào Thiên địa hội. Phong trào này cổ vũ các hoạt động chống cường hào ác bá, tấn công các nhà giàu, lấy thóc lúa và của cải chia cho dân nghèo. Thời kỳ này, hòa nhịp với phong trào cả nước, Nhân dân Càng Long cũng biểu tình đòi thả nhà yêu nước Phan Bội Châu (1925), để tang và cử người tham dự lễ tang cụ Phan Chu Trinh (1926), tổ chức lễ truy điệu nhà ái quốc Lương Văn Can tại chùa Phật quận Càng Long. Năm 1927, Chi bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên được thành lập đầu tiên tại An Trường do Đỗ Đình Thọ từ Kỳ bộ phái xuống tổ chức. Phong trào này thành công trong việc tuyên truyền, giáo dục ý thức cách mạng và gây tiếng vang lớn.

Lúc này, tình hình chung trong cả nước ta là phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân và các tầng lớp nhân dân càng phát triển mạnh mẽ đòi hỏi phải có tổ chức đảng chính trị lãnh đạo. Vì vậy, các tổ chức cộng sản lần lượt được thành lập. Tuy nhiên yêu cầu cấp bách lúc này là lập nên một chính đảng cộng sản duy nhất ở Việt Nam. Trên cơ sở

hợp nhất ba tổ chức cộng sản (Đông Dương Cộng sản Đảng ở Bắc Kỳ, Đông Dương Cộng sản liên đoàn ở Trung Kỳ, An Nam Cộng sản Đảng ở Nam Kỳ), Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập vào ngày 03/2/1930. Sau đó, Xứ ủy Nam Kỳ được thành lập đồng thời với Xứ ủy ở ba miền đất nước (Bắc, Trung, Nam). Ngay sau khi thành lập, Xứ ủy Nam kỳ đã cử đồng chí Ung Văn Khiêm (Ủy viên Xứ ủy) và đồng chí Dương Quang Đông đến Trà Vinh, xúc tiến việc thành lập các Chi bộ Đảng Cộng sản đầu tiên trên địa bàn này. “Trong khi đồng chí Ung Văn Khiêm về đến Càng Long, chỉ đạo cho đồng chí Nguyễn Phát Đạt và các hội viên Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ở An Trường chuẩn bị thành lập Chi bộ Đảng Cộng sản, thì đồng chí Dương Quang Đông cũng từ Sài Gòn về, tiến hành tổ chức các Chi bộ Đảng Cộng sản ở địa bàn quận Cầu Ngang và tỉnh lỵ Trà Vinh. Trong mùa xuân năm 1930, có ba chi bộ được thành lập tại Trà Vinh là chi bộ An Trường, chi bộ tỉnh lỵ Trà Vinh và chi bộ Mỹ Long”⁶.

Chi bộ An Trường lúc mới thành lập có 05 đồng chí: Mai Đăng Khóa, Lê Quang Lộc, Dương Háo Học, Đoàn Văn Quý, Nguyễn Phát Đạt, đồng chí Nguyễn Phát Đạt được phân công làm Bí thư chi bộ. Chi bộ An Trường ra đời, từ những hạt giống đầu tiên đó đã phát triển, tiến lên lớn mạnh về sau hình thành nên Đảng bộ Càng Long. “Đến mùa hè năm 1930, ở Trà Vinh đã có 9 chi bộ cộng sản (tăng gấp ba lần so với tháng Hai năm 1930). Sáu chi bộ cộng sản mới được thành lập là: Chi bộ Tân An - Huyện Hội (ghép hai xã), chi bộ Mỹ Cẩm, chi bộ Bình Phú, chi bộ Mỹ Hòa, chi bộ Phương Thạnh, chi bộ Cầu Xây”⁷.

⁶ Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh (1995), *Lịch sử tỉnh Trà Vinh - tập một (1732-1945)*, Ban Tư tưởng Tỉnh ủy Trà Vinh xuất bản, tr.159.

⁷ Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh (1995), *Lịch sử tỉnh Trà Vinh - tập một (1732-1945)*, Ban Tư tưởng Tỉnh ủy Trà Vinh xuất bản, tr.160.



*Tranh sơn dầu: Phiên họp thành lập Chi bộ xã An Trường
(Theo Lịch sử tỉnh Trà Vinh, tập một (1732 - 1945))*

“Mùa thu năm 1930, Tỉnh ủy Trà Vinh được thành lập tại nhà số 09, đường Công Xi rượu nếp nay là đường Lê Lợi. Bí thư Ban Chấp hành Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Trà Vinh là đồng chí Vinh (tức Huỳnh Ngọc Trảng), đồng chí Nanh là Phó Bí thư, đồng chí Nguyễn Văn Lệ, Ủy viên Thường vụ phụ trách huyện Càng Long, đồng chí Dương Quang Đông, Ủy viên Thường vụ phụ trách huyện Cầu Ngang, đồng chí Dương Háo Học, Tỉnh ủy viên”⁸. Sau đó, Quận ủy Càng Long được thành lập gồm các đồng chí: Dương Háo Học, Nguyễn Kim Tiền, Nguyễn Văn Hai, Lê Quang Lộc, Nguyễn Thành Thi. Đồng chí Dương Háo Học, Tỉnh ủy viên làm Bí thư Quận ủy, đồng

⁸ Tỉnh ủy Trà Vinh (2002), *Tỉnh ủy Trà Vinh hạt nhân lãnh đạo phong trào cách mạng 70 năm thắng lợi vé vang 1930 - 2000*, Ban Tư tưởng Tỉnh ủy Trà Vinh xuất bản, tr.13.

chí Nguyễn Kim Tiền làm Phó Bí thư Quận ủy. Đồng chí Nguyễn Phát Đạt được Đặc khu ủy Hậu Giang phân công làm cán bộ của Đặc khu ủy, theo dõi phong trào đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ của các chi bộ và thường xuyên báo cáo tình hình cho Đặc khu ủy kịp thời lãnh đạo chung⁹.

Từ khi Đảng bộ tỉnh Trà Vinh được thành lập, dưới sự lãnh đạo của Đảng, các phong trào đấu tranh của nhân dân phát triển theo hướng đòi dân sinh dân chủ. Cuộc biểu tình đông đảo diễn ra ở Càng Long ngày 01/8/1930 là một điển hình. 12 giờ khuya ngày 31/7/1930, một lực lượng khổng lồ trên dưới 4.000 người nông dân Càng Long lần đầu tiên trong lịch sử kéo đến họp mít tinh, địa điểm tại sân banh Ấp 3, xã An Trường dưới biểu ngữ: Hoan nghênh Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời! Đoàn biểu tình chia làm hai cánh hùng dũng kéo đi, vừa đi vừa phát cờ đỏ búa liềm, giương cao các biểu ngữ, vừa hô vang khẩu hiệu. Đoàn biểu tình giải tán vào lúc 12 giờ trưa ngày 01/8/1930. Vụ việc xảy ra xô xát với binh lính do Chủ tỉnh Trà Vinh dẫn đầu, lực lượng biểu tình đã hy sinh 5 người, bị thương, bị bắt nhiều người. Nhưng nhìn chung, cuộc mít tinh và biểu tình ở Càng Long ngày 01/8/1930 là cuộc đấu tranh có quy mô lớn nhất ở Trà Vinh trong năm 1930 và nhiều năm sau, gây tiếng vang lớn trong toàn tỉnh, toàn Nam Kỳ và cả nước.

Tháng 4/1936, Mặt trận Bình dân Pháp mà Đảng Cộng sản Pháp làm nòng cốt, giành thắng lợi trong tổng tuyển cử, Chính phủ Mặt trận nhân dân lên cầm quyền. Tại các nước Đông Dương, Mặt trận nhân dân Phản đế Đông Dương được thành lập, kêu gọi thành lập Ủy ban hành động các cấp tiến tới một cuộc Đại hội đại biểu Nhân dân toàn Đông Dương.

Hưởng ứng lời kêu gọi đó, trong tỉnh Trà Vinh các Ủy ban hành

⁹ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Trà Vinh, Huyện ủy Càng Long (2015), *Lịch sử huyện Càng Long 1930 - 2010*, Nxb. Chính trị Quốc gia, tr. 37.

động được thành lập khắp nơi. Ủy ban Hành động Càng Long được thành lập với các khẩu hiệu chống phát xít, chống chiến tranh, đòi tự do dân chủ, cải thiện đời sống cho nhân dân... Các hội ái hữu, các hội ngành nghề liên tiếp được tổ chức, vận động được đông đảo quần chúng nhân dân đấu tranh theo hướng có tổ chức cách mạng... Càng về sau, các cuộc đấu tranh cách mạng diễn ra càng sôi nổi, rộng khắp ở khắp các vùng của Càng Long. Các cuộc mít tinh có khi chuyển thành biểu tình với sự tham gia của hàng ngàn người với các khẩu hiệu, yêu sách nhằm đòi lại quyền lợi cho Nhân dân lao động. Trong cao trào Mặt trận dân chủ, do lợi dụng được thế hợp pháp, Đảng bộ Càng Long phát huy ảnh hưởng sâu rộng. Đảng bộ phát triển rất mạnh trong thanh niên yêu nước, trong nông dân và thợ thủ công. Nhân dân Càng Long bị hai tầng áp bức bóc lột tàn nhẫn là mảnh đất tốt để Đảng bộ non trẻ lớn mạnh nhanh chóng. Dù bị khủng bố, đàn áp, bắt bớ, Đảng bộ Càng Long vẫn tồn tại, bám sát Nhân dân, lãnh đạo quần chúng liên tục đấu tranh chống đế quốc và địa chủ phản động, giữ vững phong trào.

Từ những phong trào cách mạng đó, Đảng bộ Càng Long cùng với các Đảng bộ khác trong tỉnh đã góp công, góp sức qua từng giai đoạn, đóng góp nhiều đồng chí có đức, có tài xây dựng và phát triển Đảng bộ tỉnh Trà Vinh không ngừng lớn mạnh. Càng Long xứng đáng là một trong những chiếc nôi cách mạng của tỉnh Trà Vinh.

1.3. Huyện Hội - nơi đồng chí Nguyễn Đáng được sinh ra

Huyện Hội là xã nằm ở hướng tây nam của huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh, cách trung tâm huyện lỵ khoảng 11,5 km về hướng nam và cách thành phố Trà Vinh khoảng 16 km về hướng đông bắc. Hình thể của xã như rế quạt xòe ra, diện tích tự nhiên 3.472,6 héc-ta. Hướng đông giáp xã Phương Thạnh, tây giáp xã Tân An và xã Tân Bình, hướng nam giáp xã Hiếu Từ (huyện Tiểu Cần), bắc giáp xã An Trường và xã Bình Phú. Xã có 9 ấp, gồm: Lưu Tư, Giồng Mới, Giồng Bèn, Sóc, Kinh A, Kinh B, Cầu Xây, Bình Hội và Trà On.

Trong thời kỳ kháng chiến chống ngoại xâm, xã Huyền Hội được xem như là hậu vùng ven - địa thế bàn đạp cho cả hai phía - tranh chấp giữa ta và địch rất quyết liệt. Địa bàn thì quan trọng, địa hình thì trống trải, nhưng khó khăn càng lớn càng làm nảy sinh những khả năng thích ứng của Nhân dân Huyền Hội.

Khoảng nửa đầu thế kỷ XVII, huyện Càng Long nói chung, xã Huyền Hội nói riêng là nơi khai phá và định cư của nhiều nhóm cư dân mang trong mình truyền thống chống áp bức, bất công, vốn cần cù, chân thật, chịu thương chịu khó, cương trực, thẳng thắn, vị tha, dám nghĩ, dám làm, có lòng yêu nước nồng nàn, là cộng đồng dân cư khai thác vùng đất mới; những nghĩa quân chống Pháp, bất hợp tác với giặc cũng tụ tập về đây.

Đến đầu thế kỷ XX, một cơn lụt lớn xảy ra, gây tổn thất khủng khiếp nhất trong lịch sử Nam Bộ, mà sau nhiều năm dân chúng vẫn còn ám ảnh kinh hoàng. Nó đã xóa sạch nhà cửa, cuốn trôi tất cả tài sản, súc vật; người dân bị mất tích rất nhiều, thiệt hại không sao kể xiết. Sau đó, dịch bệnh ập đến, gieo rắc tang thương khắp nơi, có làng người chết gần hết, không mấy người sống sót nếu không nhanh chân chạy đi nơi khác. Khi cơn lụt đã lùi xa hàng tháng, nhưng vẫn có nhiều đoàn người xứ khác trốn chạy dịch bệnh, từng đợt vài ba chục đến lưu trú ở Huyền Hội. Họ đến đây với hai bàn tay trắng, một manh áo cũng không còn lành, nhưng mang nghĩa cử “lá lành đùm lá rách”, người đến trước giúp đỡ kẻ đến sau, từ miếng ăn đến cái mặc. Lưu dân cùng nhau đi tìm cây, tìm lá dựng chòi che nắng, che mưa, tạo lập xóm làng.

Đến khi thực dân Pháp xâm lược Việt Nam nói chung, vùng đất này nói riêng, chúng cấu kết với địa chủ phong kiến. Từ đó, xã hội phân hóa sâu sắc thành kẻ giàu, người nghèo. Người dân nông thôn bị phân hóa thành hai giai cấp rõ rệt: nông dân và địa chủ.

Thời gian đầu của quá trình xâm lược, thực dân Pháp đã dựng lên bộ máy chính quyền cai trị nơi đây, nhưng lỏng lẻo, chưa đặt nặng

việc thu thuế nên đã tự tan rã trong cơn bão lụt năm 1904. Đến năm 1906, chúng đặt lại hệ thống kim kẹp chặt chẽ hơn. Bộ máy chính quyền địa phương với đủ 12 vị hương chức hội tề, thực hiện hai chức năng chính là quản lý con người và thu thuế; trong đó, có thuế khản đất và thuế thân. Ngoài hai chức năng này, bộ máy cai trị này hầu như không đem ích lợi gì cho dân chúng. Tất cả những người dân có ruộng đất dù ít hay nhiều đều phải lên huyện ghi danh đứng tên bộ sổ, hàng năm nộp thuế. Đa phần dân làng đều trốn tránh, chỉ những người có chân trong hương chức hội tề buộc phải đăng ký, nhưng được giảm nhẹ. Do đó, những nông dân khác sau này, đất đai coi như mất trắng. Vì về mặt pháp lý, họ không có tên trong sổ bộ, không có quyền sở hữu đất đai, đành làm tá điền cho địa chủ. Từ đây, mặc dù vẫn canh tác trên chính mảnh đất do mình khai khẩn, nhưng họ phải nộp tô cho địa chủ. Đồng thời, chúng có quyền đuổi họ đi và lấy lại đất bất cứ lúc nào. Người nông dân đồ mồ hôi, công sức khai hoang, lập đất, nhưng không được đứng tên sở hữu, cam đành làm phận tá điền. Điều này xuất phát từ những nguyên nhân chính sau: Lớp cư dân đầu tiên đến Huyện Hội là những nghĩa quân của Trương Định bị nhà cầm quyền truy nã. Họ và con cháu luôn sống trong tâm trạng lo sợ bị truy tầm tông tích. Nay buộc phải giáp mặt chính quyền để làm giấy tờ, khai họ tên, tất nhiên là rất nguy hiểm, nhưng lý do quan trọng là họ không có đủ tiền để nộp trước cho Tây dương. Thứ nữa, họ cũng không có ý định ăn đời ở kiếp xứ này, mà trông chờ một cơ hội tốt nhất sẽ trở về quê cha đất tổ, nơi chôn nhau cắt rốn. Và một nguyên nhân khác là do phần lớn lưu dân không biết chữ, nên dễ bị bọn địa chủ lợi dụng... rồi thành thân phận tôi đòi.

Sự chịu đựng bọn thực dân Pháp, bọn hương chức hội tề hà hiếp, bọn địa chủ bóc lột đánh đập, rồi đến bọn tài công, tầng khạo nạt nộ, hách dịch thật là quá sức chịu đựng đối với kiếp nông dân "*một cổ quá nhiều trùng*". Xong mùa lúa, nhiều nông dân trắng tay buộc phải xin ở

đợ cho địa chủ. Chúng bắt tá điền làm cật lực, còn cho ăn thì qua loa, với cơm canh thừa, cá cặn. Nhiều người làm xong việc là ngã ra nằm, không còn sức lực để ăn... Trâu bò của địa chủ hàng trăm con, giao cho tá điền chăn giữ, quanh năm phải đi cày, đập lúa, kéo rơm, nhưng bắt buộc phải mập béo, nếu ốm yếu là người giữ ăn đòn. Không những thế, chúng còn lấy tên tá điền đặt tên cho trâu bò của chúng.

Trước sự tước đoạt đất đai và đàn áp, bóc lột của địa chủ - cường hào, nhiều nông dân tự phát đấu tranh, phản kháng. Sau đó, họ phải trốn đi biệt xứ và thay tên đổi họ, hồng mới tránh được kiếp nạn gông cùm, tra tấn, tù đày. Điển hình là ông Ba Dữ, một trong những nông dân vùng đất Huyện Hội. Vì quá uất ức trước sự lộng quyền của bọn địa chủ họ Lâm Quang, ông đã dùng ghế đầu đập vào đầu tên địa chủ Lâm Quang Khương rồi cùng gia đình trốn đi biệt xứ...

Từ những bất công nêu trên, sự chịu đựng đã dồn nén quá sức đối với người nông dân, "*tức nước, vỡ bờ*" ắt sẽ nổ ra và nổ ra mức độ gay gắt quyết liệt là điều không tránh khỏi. Tuy những cuộc đấu tranh tự phát nổ ra ở Huyện Hội còn mang tính chất nhỏ lẻ, dễ bị đàn áp và thất bại, nhưng Nhân dân nơi đây được phong trào chống Pháp do Phan Tôn, Phan Liêm con của Phan Thanh Giản cổ vũ. Cuộc khởi nghĩa của Phó Mai ở Trà Ôn, Ngãi Long, Thông Hoà (Cầu Kè, Tiểu Cần) cũng đã ảnh hưởng đáng kể đến vùng đất Càng Long. Từ những cuộc nổi dậy nhỏ lẻ đã phát triển thành phong trào yêu nước mang tính chất cách mạng, do đồng chí Dương Quang Đông đến Càng Long thành lập tổ chức Công - Nông Hội Đỏ vào những năm 1920. Đến năm 1925, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc hoạt động ở nước ngoài đã tập hợp và đào tạo lực lượng chuẩn bị cho cách mạng ở Việt Nam, thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Khi được thành lập ở Càng Long, tổ chức cách mạng này đã đến vùng đất Huyện Hội hoạt động. Từ đây, Nhân dân xã Huyện Hội đã nhận thức được rằng, khi đã có áp bức thì phải có đấu tranh. Thực tế khách quan đó đặt ra yêu cầu tất

yếu cho lịch sử là, phải mở ra con đường giải phóng cho nhân dân lao động và trở nên vô cùng bức thiết hơn bao giờ hết.

Huyện Hội là xã có nền kinh tế thuần nông, với cây lúa là chính. Bên cạnh đó, Nhân dân cũng trồng xen một số cây ăn quả và chăn nuôi gia súc, gia cầm. Về tiểu thủ công nghiệp và thương mại dịch vụ, trong thời kỳ kháng chiến, xã Huyện Hội hầu hết không có cơ sở sản xuất - kinh doanh, chỉ một vài hộ dân tranh thủ thời gian nông nhàn đan đất tại nhà, sửa chữa nông cơ.

Về xã hội, khi xã Huyện Hội được thành lập, cộng đồng người Kinh - Khmer chủ yếu làm ruộng, trồng các loại rau màu, chăn nuôi gia súc, gia cầm, khai thác thủy sản tự nhiên, làm tiểu thủ công; còn người Hoa thì buôn bán... Những năm 1930, dân số xã Huyện Hội có trên 4.700 người; tháng 6 năm 1951, thực hiện Nghị định số 199/NĐ-51 của Ủy ban Kháng chiến hành chính Nam Bộ, theo chỉ đạo của tỉnh Trà Vinh, xã Huyện Hội sáp nhập với xã Hiếu Tử (huyện Tiểu Cần), mang tên xã Huyện Hiếu, có trên 7.000 người.

Trong kháng chiến, toàn xã Huyện Hội chỉ có năm phòng học tạm thời. Về văn hóa, xã phát triển toàn diện vùng đồng bào dân tộc, đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào dân tộc được cải thiện, hộ khá, giàu ngày càng tăng. Bản sắc văn hóa dân tộc tiếp tục được giữ gìn và phát huy, các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao truyền thống, cùng việc dạy và học song ngữ được tiếp tục duy trì và phát triển trong cả hệ thống giáo dục quốc dân và trường chùa. Chùa Bodhiculamani (chùa Ấp Sóc) được công nhận Di tích lịch sử cấp Quốc gia.

Vùng đất Trà Vinh nói chung, Càng Long và quê hương Huyện Hội nói riêng là nơi có truyền thống đấu tranh chống giặc đã tác động, bồi dưỡng tư tưởng yêu nước để người thành niên Nguyễn Đăng trở thành nhà chiến sĩ cách mạng kiên trung.



Bản đồ hành chính Huyện Cang Long

2. Gia đình

Những năm 20 của thế kỷ XX, tại ấp Giồng Gòn (sau này Giồng Bèn, Giồng Bà, Giồng Gòn được sáp nhập, gọi chung là Giồng Bèn), làng Huyện Hội, tổng Bình Khánh Thượng, quận Cang Long, tỉnh Trà Vinh có một gia đình nông dân nghèo làm tá điền cho địa chủ Lâm Quang So. Cụ ông là Nguyễn Văn Ty, cụ bà là Phạm Thị Huệ. Ông bà hạ sinh được tám người con, sáu trai, hai gái. Nguyễn Đấng là con thứ năm.

Gia đình Nguyễn Đấng sống kiếp nông dân nghèo, tuy không trực tiếp hoạt động cách mạng nhưng đã có nhiều người tham gia vào việc

nuôi dưỡng, bảo vệ cán bộ. Đó là hành động chăm lo bữa cơm đơn sơ khi có cán bộ cách mạng ban đêm ghé nhà, là sự tận tình làm hầm bí mật để cán bộ trú ngụ...

Đến thời Nguyễn Đáng, gia đình đông con, nghèo khó nên từ nhỏ anh em ông không được cấp sách đến trường, chủ yếu đi ở đợ cho nhà địa chủ. Sau này, khi được giác ngộ, ông và các em cùng tham gia cách mạng. Do nhà có nhiều người hoạt động cách mạng, bọn giặc không ngừng truy lùng, gây khó dễ cho gia đình; các anh em trong gia đình phải trốn sang vùng khác. Thậm chí, căn nhà nội - nơi gia đình Nguyễn Đáng sống - bị bọn giặc dán “bảng đen” - dấu hiệu của những gia đình có người hoạt động cách mạng, cần chú ý đặc biệt¹⁰.

Gia đình, dòng họ Nguyễn Đáng sống kiếp nông dân nghèo, làm thuê ở đợ cho địa chủ. Đến thời mình, anh em ông nếm trải sự cơ cực, tủi nhục của những người bị áp bức, bóc lột, cảm nhận sự sục sôi của các hoạt động đấu tranh cách mạng nơi quê hương, Nguyễn Đáng cùng người em đã nung nấu tinh thần căm thù giặc, ý chí kiên cường vùng lên chống lại sự áp bức, bất công. Anh em đồng lòng cùng sống chết vì lý tưởng, sự yêu thương hỗ trợ từ gia đình là những nguồn sức mạnh to lớn nuôi dưỡng ý chí cách mạng, tiếp thêm sức mạnh cho con đường đấu tranh phía trước.

Trong những ngày tháng gian khó nơi quê nhà, Nguyễn Đáng gặp gỡ và nên duyên cùng cô gái Nguyễn Thị Ngọc Liễu người ấp Bình Hội (cũng thuộc xã Huyền Hội, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh). Nguyễn Đáng và bà Nguyễn Thị Ngọc Liễu sinh được năm người con, bốn trai, một gái. Những tháng ngày ông hoạt động cách mạng, bà sống nương nhờ gia đình chồng, làm thuê làm mướn nuôi con. Để tránh sự dòm ngó, bắt bớ của địch, có lúc bà phải trốn sang vùng khác để sinh sống và hoạt động trong công tác phụ nữ. Sau giải phóng, bà

¹⁰ Theo lời kể của chú Nguyễn Văn Tòng - cháu gọi Nguyễn Đáng là chú, cũng là người có thời gian tham gia bảo vệ ông giai đoạn sau này.

tham gia làm việc ở Tỉnh ủy An Giang và Cửu Long cùng ông, được Nhà nước phong tặng danh hiệu vinh dự Bà mẹ Việt Nam anh hùng¹¹. Cụ bà qua đời năm 2016, thọ 89 tuổi.



*Một số thành viên trong gia đình bác Nguyễn Đáng.
Hàng sau, từ trái qua phải: Má, vợ, con gái thứ năm, con trai thứ ba.
Hàng trước: con trai út. (Nguồn: Tư liệu gia đình)*

¹¹ Hai người con là liệt sĩ: Nguyễn Văn Sơn và Nguyễn Văn Phát.

Nói tiếp tinh thần, ý chí cách mạng của cha mẹ, các con ông bà cũng tham gia phục vụ cách mạng, góp phần làm nên truyền thống vẻ vang của gia đình. Ở những nhiệm vụ khác nhau, các anh cũng đóng góp sức mình cho công cuộc kháng chiến của toàn dân tộc. Năm 1972, anh thứ tư là Nguyễn Văn Sơn bị giặc bắn, hy sinh tại quê nhà Giồng Bèn. Cùng năm đó, anh thứ ba Nguyễn Văn Phát hy sinh trong một trận càn của giặc tại vùng đất Châu Điền (huyện Cầu Kè). Anh Nguyễn Văn Phúc về sau cũng tham gia bộ đội, anh Nguyễn Thành Bảnh hiện nay là Thầy thuốc Ưu tú và chị Nguyễn Ngọc Điệp (bệnh mất năm 2016).

II. THỜI NIÊN THIẾU VÀ NHỮNG HOẠT ĐỘNG YÊU NƯỚC ĐẦU TIÊN

1. Thời niên thiếu

Nguyễn Đáng tên thường dùng là Nguyễn Văn Trung (thường gọi Năm Trung), sinh ngày 16/11/1925. Ông là một cậu bé hiền lành, hào hiệp, từ nhỏ đã có tư chất thông minh.

Giồng Bèn (ấp Giồng Gòn lúc bấy giờ) là một trong 9 ấp của làng Huyện Hội. Dưới sự thống trị của dòng họ địa chủ Lâm Quang, nơi đây có sự phân hóa giai cấp sâu sắc. Sự áp bức, bóc lột nặng nề của bọn địa chủ phong kiến, tay sai, sự khai thác thuộc địa triệt để của thực dân Pháp đã khiến gia đình Nguyễn Đáng cũng như bao gia đình khác rơi vào cảnh bần cùng.

Gia đình nghèo, nhà đông con nên thuở thiếu thời, anh em Nguyễn Đáng không được cấp sách tới trường. Khoảng 10 tuổi ông phải đi ở đợ, bắt đầu những ngày tháng làm đủ mọi việc nặng nhọc như vác lúa, giữ kho, ... Nguyễn Đáng dần cảm nhận được sự hà hiếp, bóc lột vô lý của bọn địa chủ. Từ cảnh ở đợ, ông thương cha, thương mẹ làm lưng vất vả vẫn không đủ ăn, càng hiểu hơn cảnh cơ cực, tủi nhục của kiếp người. Sinh ra trong gia đình nông dân sống cảnh làm thuê, ông càng gắn bó với những kiếp người đồng cảnh tại quê nhà.

Ban ngày ở đợ, ban đêm Nguyễn Đáng được theo học thầy giáo Thường trong xóm. Do phải làm nhiều việc nặng nhọc nên ông không theo học được nhiều. Tuy vậy, với tư chất thông minh, nhanh nhạy cùng với bản tính ham học nên biết đọc, biết viết rất nhanh. Những ngày tháng tiếp cận với chữ viết, con số tạo nền tảng cho ông trong việc tham gia nhiều lớp chính trị, chuyên môn sau này. Đặc biệt, trong những giờ dạy học, thầy thường lồng ghép, nói về sự đối xử bất công, sự áp bức của bọn phong kiến, tay sai. Những bài giảng của thầy đã gieo trong đầu người thiếu niên Nguyễn Đáng lòng căm thù và ý chí chống lại các thế lực áp bức, bóc lột.

2. Giác ngộ cách mạng và những hoạt động yêu nước đầu tiên

Nguyễn Đáng sinh ra trong hoàn cảnh đất nước bị giày xéo bởi gót giày của thực dân Pháp. Trà Vinh cũng như nhiều nơi khác trên khắp cả nước phát huy cao độ truyền thống đấu tranh chống cái ác, cái xấu, chống giặc ngoại xâm. Từ những ngày đầu, bằng hình thức này hay hình thức khác, Nhân dân Trà Vinh nói chung và Càng Long nói riêng đã kiên cường đứng lên chống giặc. Có khi là sự hợp lực chống giặc với người dân các vùng lân cận, có khi là hành động chống ngoại xâm bằng các phong trào khởi nghĩa của riêng mình. Tất cả minh chứng cho hình ảnh những con người kiên cường, bất khuất nối tiếp truyền thống của cha ông trong công cuộc đấu tranh giai cấp và đánh đuổi xâm lăng. Truyền thống yêu nước, kiên cường đấu tranh cách mạng của quê hương đã tác động lớn đến người thanh niên Nguyễn Đáng, ảnh hưởng lớn đến quá trình giác ngộ cách mạng của ông.

Trong quá trình cộng cư ở Trà Vinh ba dân tộc Kinh - Khmer - Hoa thể hiện tinh thần đoàn kết mạnh mẽ. Trong lao động sản xuất, đắp đê ngăn mặn, dẫn ngọt, xỏ phèn cần có sự hợp tác của nhiều người dân; dần dần hình thành nên truyền thống đoàn kết trong lao động. Sự đoàn kết trong đấu tranh bảo vệ thành quả lao động nay được nâng lên thành tinh thần đoàn kết đấu tranh chống lại sự áp bức, bóc lột của địa chủ phong kiến, đặc biệt là đoàn kết đấu tranh chống xâm lược.

Thêm vào đó, xứ Huyền Hội, Càng Long và nhiều xã, huyện trong tỉnh Trà Vinh có đông đồng bào dân tộc Khmer, có nhiều chùa và chư tăng Khmer Phật giáo Nam tông. Trong những năm đầu đấu tranh chống thực dân, đế quốc xâm lược, đồng bào Khmer còn ảnh hưởng tư tưởng và triết lý của đạo Phật. Đồng bào thích làm việc thiện, tránh điều ác; làm phước để mong tích đức; sùng bái luật nhân quả của Phật giáo. Mọi người tin và hành động theo lời dạy của Đức Phật. Sự xâm lược, thêm vào áp bức, bóc lột của thực dân Pháp và chính quyền tay sai; khi có sự lãnh đạo của Đảng, làm thế nào để chư tăng, đồng bào Khmer thấy chúng là kẻ thù chung của dân tộc và giai cấp, tin vào Đảng, vào Chủ tịch Hồ Chí Minh, đoàn kết với đồng bào người Việt và các dân tộc anh em, tham gia làm cách mạng để đánh đổ bọn bán nước, cướp nước; đây là vấn đề quan trọng và rất khó khăn trong công tác tuyên truyền, vận động. Chư tăng, trí thức Khmer khi giác ngộ cách mạng sẽ có vai trò, có tác động rất lớn đến đồng bào Khmer đứng lên chống giặc xâm lược và chính quyền tay sai. Thực tế chứng minh, đồng bào dân tộc Khmer nơi đây sau khi được tuyên truyền, vận động đã một lòng hướng về cách mạng. Không chỉ họ mà tâm thức của các cộng đồng dân tộc khác đều cho rằng đây là nơi chôn nhau cắt rốn, là quê hương đất nước của mình nên họ đoàn kết, gắn bó, tin Đảng, theo Đảng làm cách mạng, giải phóng dân tộc đem lại hòa bình, độc lập tự do cho cuộc sống.

Như vậy, tại Trà Vinh nói chung, Càng Long và Huyền Hội nói riêng, trải qua bao đời đồng bào các dân tộc đã xây dựng nên tinh thần đoàn kết, một lòng tin tưởng và gắn bó với Đảng, với cách mạng. Những truyền thống tốt đẹp ấy đã ảnh hưởng lớn đến các thế hệ thanh niên trên mảnh đất này.

Càng Long, Trà Vinh là vùng không có nhiều địa chủ có diện tích đất đai rộng lớn như ở các tỉnh khác ở Đồng bằng sông Cửu Long, nhưng các địa chủ gắn bó mật thiết với chính quyền tay sai, với thực dân xâm lược nên người nông dân bị bán cùng hóa về vật chất, đè nén

về tinh thần. Gia đình của Nguyễn Đáng cùng chung hoàn cảnh bị áp bức đến cùng cực đó. Người thanh niên Nguyễn Đáng thấu được sự cơ cực của kiếp người bị bóc lột, thấu được cảnh sống của những kiếp người làm thuê, quần quật quanh năm nhưng vẫn thiếu miếng cơm manh áo, túi nhục trăm bề. Hoàn cảnh đó đã nuôi dưỡng lòng căm thù giặc, ý chí vùng lên chống lại bọn cướp nước, bán nước.

Hoàn cảnh riêng đã khiến người thanh niên Nguyễn Đáng sớm hiểu biết, đau xót trước cảnh thống khổ của gia đình, đồng bào. Từ đó nhen nhóm những suy nghĩ, tình cảm và nhận thức hướng về cách mạng của ông. Ý chí cách mạng càng được nuôi dưỡng bởi sự xuất hiện và phát triển lớn mạnh của các tổ chức cách mạng nơi đây. Những năm 1943, 1944 qua sự tuyên truyền giáo dục của cán bộ, đảng viên đi trước, do Ban Thường vụ Huyện ủy Càng Long phân công về Huyện Hội hoặc trực tiếp như: đồng chí Dương Văn Đê, Triệu Thành Chức, Lê Văn Tý¹²... Nguyễn Đáng và những thanh niên, quần chúng trong ấp Giồng Bèn, xã Huyện Hội được tuyên truyền, giáo dục về Chủ nghĩa Mác-Lênin, giáo dục lòng yêu nước chống giặc ngoại xâm, về đường lối đấu tranh cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, về những hoạt động của các tổ chức đoàn thể do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Và bằng thực tế cuộc sống lúc bấy giờ, dưới ách thống trị của thực dân Pháp, chính quyền phong kiến tay sai tại Huyện Hội, Tân An, An Trường và các xã trong huyện, trong tỉnh, nhân dân bị đàn áp, bóc lột hà khắc. Nguyễn Đáng nhận thấy được trách nhiệm của mình với sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, đem lại độc lập cho dân tộc, tự do, hạnh phúc cho Nhân dân. Trong ông nhen nhóm niềm khát khao về cuộc sống tự do, ý thức được con đường mà mình phải chọn: hoạt động cách mạng để thoát khỏi cảnh sống lầm than túi nhục. Đó là những ngày tháng quan trọng đánh dấu sự dần thân vào con đường đấu tranh chống thực dân phong kiến, giành độc lập cho dân tộc.

¹² Lịch sử xã Huyện Hội (1930 - 2020), tr.19, 20.

Qua sự giác ngộ, Nguyễn Đán đến với cách mạng. Ông thôi ở đợ cho gia đình địa chủ Lâm Quang So mà chuyển sang nghề đánh xe thuê. Hàng ngày, từ sáng sớm đến tối mịt, Nguyễn Đán đánh xe từ Huyện Hội khi thì đi Bãi Xan, khi đi Càng Long, đến Tiểu Cần, Cầu Kè... Vừa đi đánh xe, ông vừa làm liên lạc và nắm tình hình địch để báo lại cho cơ sở. Một thời gian, cha ông biết được ông tham gia cách mạng, có phần lo lắng sợ con nguy hiểm nhưng không nói ra và cũng âm thầm làm giúp những công việc của Nguyễn Đán. Còn ông, ban ngày giúp việc cha mẹ không được, ban đêm ông cố làm thêm để phụ giúp gia đình. Chuối ngày tháng đó là cột mốc bắt đầu cho những hoạt động cách mạng anh dũng, kiên trung của người chiến sĩ Nguyễn Đán sau này.